

敏實科技大學境外生獎助學金申請表

姓名	中文				申請日期	年 月 日
	英文				性別	<input type="checkbox"/> 男 <input type="checkbox"/> 女
科系		班級		學號		
申請項目	<p>★華語文能力測驗 ※請檢附華語文能力測驗證書、報名繳費收據</p> <p><input type="checkbox"/>通過精通級 (C2) 新台幣 6,000 元, 通過日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>通過流利級 (C1) 新台幣 5,000 元, 通過日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>通過高階級 (B2) 新台幣 4,000 元, 通過日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>通過進階級 (B1) 新台幣 3,000 元, 通過日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>通過以上級數之報名費: 新臺幣 1000 元</p>					
	<p>★技術證照 ※請檢附專業技術證照證書、報名繳費收據</p> <p><input type="checkbox"/>甲級 新台幣 4,000 元, 發證日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>乙級 新台幣 2,000 元, 發證日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>丙級 新台幣 1,000 元, 發證日期: 年 月 日</p> <p><input type="checkbox"/>通過以上證照考試之報名費: 新臺幣 _____ 元</p>					
	<p>★校內外比賽 ※比賽日期: 年 月 日</p> <p>※比賽名稱: _____</p> <p>※主辦單位: _____</p> <p>※請檢附比賽相關證明文件、報名繳費收據</p> <p><input type="checkbox"/>第一名 新台幣 1,000 元</p> <p><input type="checkbox"/>第二名 新台幣 700 元</p> <p><input type="checkbox"/>第三名 新台幣 500 元</p> <p><input type="checkbox"/>校外比賽報名費: 新臺幣 _____ 元</p>					
申請人簽名		班導師		系主任		
※核定補助金額: 新臺幣 _____ 元						
國際專修部/ 新南向主任			國際長			

備註 Ghi chú:

- B1 級獎學金於國際專修部-Hệ 1+4 時, 適用華語先修班學生。Học bổng trình độ B1 chỉ áp dụng cho sinh viên lớp ngôn ngữ năm nhất (lớp dự bị tiếng Trung).
- 申請獎學金需檢附相關證明、報名繳費收據。Xin học bổng phải nộp kèm chứng chỉ TOCFL hoặc chứng chỉ kỹ thuật chuyên môn.
- 限當學期內提出申請, 並於學期結束後統一審核與辦理核撥作業。Tính từ khi nhập học đến hết thời gian học theo quy định của hệ đào tạo.